

TỪ CUỘC VẬN ĐỘNG HÒA BÌNH CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM (1965 - 1975) ĐẾN MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ XÃ HỘI BỀN VỮNG

Lê Cung & Lê Thành Nam*

TÓM TẮT

Đầu năm 1965, Mỹ mở rộng chiến tranh ra cả nước Việt Nam¹, gây tổn thương nghiêm trọng đối với nhân dân trên cả hai miền đất nước. Với Phật giáo: “Chiến tranh không thể chấp nhận được bởi nền độc lập, dân chủ và tự do không bao giờ thực hiện được ở Nam Việt Nam”². Nhận lãnh trách nhiệm trước sự tồn vong của dân tộc và Đạo pháp, Phật giáo chính thức mở cuộc vận động vì mục tiêu hòa bình Việt Nam.

Tham luận sẽ đề cập đến cuộc vận động hòa bình của Phật giáo Việt Nam (1965 - 1975); trong đó, tập trung trình bày và phân tích những sự kiện lịch sử chủ yếu sau: Điệp văn Hòa bình của Đức Đệ nhất Tăng thống GHPGVNTN Hòa thượng Thích Tịnh Khiết (12-12-1965); Bản Tuyên cáo về Hòa bình Việt Nam của Thượng tọa Thích Nhất Hạnh trình bày trước Nghị viện Hoa Kỳ (2-6-1966); Lời nguyện ước hòa bình của Phật tử Nhất Chi Mai trước lúc tự thiêu (16-5-1967) tại Sài Gòn; “Giải pháp sáu điểm để chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại Việt Nam” do Thượng tọa Thích Thiện Minh công bố tại Đại hội Phật giáo thế giới Kyoto, Nhật Bản (20-10-1970); Tuyên ngôn của Đại hội Sinh viên Phật tử Việt Nam

*. PGS.TS., Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam.

1. “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, chiến tranh phá hoại ở miền Bắc bằng không quân và hải quân.

2. Sứ mạng chính trị của Phật giáo Ấn Quang (bản viết tay) của nhóm Nghiên cứu, trắc nghiệm thuộc Văn phòng Phụ tá Chính trị, Văn hóa Phủ Tổng thống, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu Đệ IICH-4316, tr. 3

tại Đà Lạt (29-12-1970); cuộc tự thiêu của Đại đức Thích Viên Đạo ngay sau Đại Giới đàn Phước Huệ, Nha Trang (17-10-1973) mà Hòa thượng Thích Trí Thủ³ đánh giá như “Đại Giới đàn cầu nguyện Hòa bình”; Thông điệp “kêu gọi thực thi nghiêm chỉnh Hiệp định Paris trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc” nhân kỷ niệm 11 năm Pháp nạn (20-8-1963 - 20-8-1974) của Đức Đệ nhị Tăng thống GHPGVNTN Hòa thượng Thích Giác Nhiên.

Từ đó, tham luận nêu và phân tích một số suy nghĩ về việc hướng tới xây dựng một xã hội bền vững mà bất kỳ chính phủ nào cũng phải theo đuổi: 1. Không can thiệp chủ quyền của quốc gia khác; 2. Cần thực thi chính sách công bằng trên mọi lãnh vực đời sống chính trị - xã hội; 3. Phải tôn trọng luật pháp quốc tế; ... Cuối cùng, tham luận khẳng định: “Dù không phải là điều kiện duy nhất, nhưng hòa bình là điều kiện tiên quyết”⁴ để cho một xã hội bền vững.

Phật giáo du nhập Việt Nam từ những thế kỷ đầu sau Tây lịch và đã nhanh chóng bắt rễ sâu rộng trong quần chúng. Điểm nổi bật nhất là Phật giáo Việt Nam đã sớm tạo dựng được “truyền thống đồng hành cùng dân tộc”. Sau khi đánh thắng quân xâm lược nhà Lương (542-544), Lý Bí lên ngôi hiệu là Lý Nam Đế, cho dựng chùa lớn, đặt tên là Khai Quốc⁵; Tăng thống Ngô Chân Lưu được vua Đinh Tiên Hoàng ban hiệu là Khuông Việt thái sư; thiền sư Đỗ Pháp Thuận được vua Lê Đại Hành mời tham dự triều chính bàn định kế sách “trị loạn”, thiền sư Vạn Hạnh thiết kế “cuộc cách mạng lam”, đưa Lý Công Uẩn lên “bậc nhân chủ”; Phật hoàng Trần Nhân Tông giữ yên bờ cõi trước thế lực hung bạo của giặc Mông - Nguyên, rồi “nhẹ gót am mây”, thực hiện sứ mệnh mở cõi về phía Nam⁶,... Trong

3. Hòa thượng Thích Trí Thủ, lúc đó là Giám viện Phật học viện Hải Đức Nha Trang, vừa là Chánh Chủ đàn Phước Huệ; năm 1974, Hòa thượng là Viện trưởng Viện Hóa Đạo; năm 1981, khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành lập, Hòa thượng giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo Hội Phật giáo Việt Nam.

4. Thích Trí Thủ, Duyên khởi, Đặc san Đuốc thiêng Hòa bình Đại Giới đàn Phước Huệ, Nha Trang 1973, tr. 3-4.

5. Nay là chùa Trấn Quốc, Hà Nội.

6. Năm 1299, Trần Nhân Tông xuất gia ở núi Yên Tử. Tháng 3-1301, Trần Nhân Tông mở cuộc vân du Champa, “thiết kế” cuộc hôn nhân kỳ thú: Chế Mân - Huyền Trân (1306), đem lại cho Đại Việt 2 châu Ô và Lý, nay là phần đất từ Nam sông Hiếu (Quảng Trị) đến Bắc sông Thu Bồn (Quảng Nam).

kháng chiến chống Pháp (1945-1954), Phật giáo Việt Nam đã đẩy lên phong trào “*cởi áo cà sa, mặc chiến bào*”, góp phần xứng đáng cùng với cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ (7-5-1954).

Một số nét “*chấm phá*” như đề cập cho thấy xuyên suốt tiến trình lịch sử dân tộc, tăng ni, Phật tử Việt Nam đã chung vai gánh vác sơn hà thật kỳ thú. Điều này giúp hiểu tại sao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) với điều kiện có lúc hết sức nghiệt ngã, song Tăng Ni, Phật tử Việt Nam vẫn nối tiếp “*truyền thống đồng hành cùng dân tộc*” vốn có của mình, để cùng toàn dân đưa sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước đến ngày toàn thắng (30-4-1975), trong đó cuộc vận động vì mục tiêu hòa bình Việt Nam được xem là tiêu biểu nhất.

Khách quan mà nói, cuộc vận động hòa bình của Phật giáo Việt Nam (1954 - 1975) diễn ra ngay từ sau Hiệp định Genève (21-7-1954), khi chính quyền Ngô Đình Diệm từ chối tổng tuyển cử thống nhất đất nước⁷. Tham luận này chỉ tìm hiểu cuộc vận động hòa bình của Phật giáo Việt Nam (1965 -1975) - khung thời gian mà cuộc chiến tranh Việt Nam diễn ra vô cùng ác liệt, song chỉ giới hạn ở một số nội dung tiêu biểu; từ đó góp thêm một số suy nghĩ về một xã hội bền vững.

Đầu năm 1965, chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” của Mỹ đứng trước nguy cơ phá sản hoàn toàn, để cứu lấy chủ nghĩa thực dân mới đã và đang triển khai ở miền Nam, ngày 8-3-1965, Mỹ đưa hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến vào Đà Nẵng, đánh dấu chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”⁸ bắt đầu ở miền Nam; cùng với đó, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại ở miền Bắc. Chiến tranh ngày càng trở nên ác liệt trên cả hai miền Nam - Bắc, gây tổn thương to lớn về nhiều mặt

7. Ngày 16-7-1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố: “*Không gạt bỏ nguyên tắc bầu cử, coi như một phương tiện dân chủ cộng hòa thích đáng để thực hiện nền thống nhất*”; mặt khác, Ngô Đình Diệm lại cho rằng: “*Chúng ta không ký kết hiệp định Genève. Bất cứ về phương diện nào chúng ta không thể bị ràng buộc bởi bản Hiệp định đó*” [Trương-Hoài-Tâm, 1967, tr. 90].

8. Theo Phiếu trình Thủ tướng (Sài Gòn) của Đồng lý Văn phòng ngày 25-5-1965, ngay từ đầu khi Mỹ tiến hành “*Chiến tranh cục bộ*”, “*các giáo sư và sinh viên Đại học Mỹ đã lên tiếng đã kích đường lối cứng rắn của Tổng thống Johnson tại Việt Nam. Họ hoạt động âm ỉ, mở các cuộc hội thảo, tăng gia áp lực đối với các nghị sĩ Quốc hội, và biểu tình phản đối trước Tòa Bạch Cung. Tổng thống Johnson đã phải cử một Phái đoàn Chính phủ đến các trường đại học giải thích, nhưng đi đến đâu Phái đoàn cũng bị chỉ trích và phản đối*”.

đối với nhân dân Việt Nam⁹. Cùng chung với vận mệnh dân tộc, Phật giáo cho rằng: *“Hoa Kỳ đã tàn sát nhân dân cả hai miền Nam Bắc Việt Nam, phá đổ nền văn minh dân tộc Việt Nam và làm băng hoại xã hội Việt Nam đến cùng cực,... Chiến tranh không thể chấp nhận được bởi nên độc lập, dân chủ và tự do không bao giờ thực hiện được ở Nam Việt Nam, chừng nào người Mỹ còn kiểm soát Nam Việt Nam, cuộc chiến không phải là cuộc chiến tranh giữa miền Nam và miền Bắc, mà giữa Mỹ và nhân dân Việt Nam”* [*Sứ mạng chính trị của Phật giáo Ấn Quang*, tr. 3]. Với Phật giáo, rõ ràng chiến tranh là mối đe dọa đáng sợ nhất trong các thảm họa do con người tạo ra.

Nhận lãnh trách nhiệm trước sự tồn vong của dân tộc và Đạo pháp, Phật giáo Việt Nam chính thức mở cuộc vận động vì mục tiêu hòa bình Việt Nam. Mở đầu, ngày 12-12-1965, trong phiên khai mạc Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại Việt Nam Quốc Tự (Sài Gòn), Đệ nhất Tăng thống, Hòa thượng Thích Tịnh Khiết công bố Thông điệp Hòa Bình, đề cập đến thảm họa do chiến tranh gây ra đối với đất nước: *“Trên hết và trước hết, tôi xin toàn thể quý vị hãy lắng lòng tưởng nhớ và gọi lại đầy đủ những gì đã nghe và đã thấy về chiến tranh, về sự chết chóc của đồng bào và nỗi điêu linh của đất nước,...”*; đồng thời nêu rõ khát vọng hòa bình của Phật tử Việt Nam: *“Phật tử thiết tha và khẩn cấp kêu gọi những phe đối chiến trên đất nước này hãy tìm những căn bản hợp tình, hợp lý mà thương thuyết với nhau, tránh cái họa tiêu diệt cho đất nước và đồng bào Việt Nam”* [*Nguyệt san Liên Hoa*, số 12, ngày 6-1-1966, tr. 11].

Thông điệp Hòa Bình¹⁰ như một chất xúc tác mạnh mẽ, có ý nghĩa dẫn đường để Giáo hội Phật giáo các địa phương cùng các đoàn thể Phật giáo luận bàn và hành động vì hòa bình Việt Nam, nhất là tại miền Trung, như Huế, Đà Nẵng, Hội An, Quảng Trị, Qui Nhơn,... Ở Huế, trong *“Bài giảng Kỷ niệm ngày Thành Đạo”* (Mồng Tám tháng Chạp năm Ất Tỵ, 1965), giới lãnh đạo Phật giáo Huế khẳng định: *“Hơn bao giờ hết, Phật tử chúng ta cần phải tỏ ý nguyện*

9. Không chỉ nhân dân Việt Nam mà kể cả nhân dân Mỹ cũng gánh chịu thảm khốc của cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra ở Việt Nam. Riêng quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam, chỉ trong một tuần lễ của tháng 11-1965, 240 lính Mỹ thiệt mạng [Zaroulis & Sullivan, 1984, p. 49].

10. Suốt thời gian ở ngôi vị Tăng Thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (1964 - 1973), Hòa thượng Thích Tịnh Khiết đã nhiều lần công bố Thông điệp Hòa Bình. Tham luận chi đề cập đến Thông điệp Hòa Bình đầu tiên ngày 12-12-1965.

tha thiết hòa bình của mình bằng cách thực hiện một đoàn thể to rộng, lấy sự sống làm căn bản, lấy trí thức làm phương châm và lấy giác ngộ làm cứu cánh. Cùng với những tâm hồn nhân loại khác, chúng ta cố tâm xây dựng, không phải vì những cường quốc hùng mạnh về binh bị, mà là những quốc gia ham chuộng hòa bình, biết sống trong tinh thần tri túc và thương yêu, biết sống hướng thượng. Chúng ta tin rằng từ bi sẽ chiến thắng cường bạo và hòa bình sẽ ở lại với loài người, nếu chúng ta thật tình mong muốn” [Bài giảng Kỷ niệm ngày Thành Đạo, Nguyệt san Liên Hoa, số 12, ngày 6-1-1966, tr. 22]. Tại Sài Gòn, ngày 10-1-1966, một buổi học tập và cầu nguyện hòa bình được tổ chức tại Tổng vụ Thanh niên do Đoàn Sinh viên Phật tử thực hiện¹¹.

Sang năm 1966, cùng lúc với sự kiện “Bàn Phật xuống đường”¹², Phật giáo mở các chiến dịch vận động hòa bình cả trong và ngoài nước. Đặc biệt, ngày 2-6-1966, Thượng tọa Thích Nhất Hạnh trình bày trước Quốc hội Mỹ bản Tuyên cáo nêu rõ khát vọng hòa bình của người Việt Nam: “Đại đa số người Việt khát khao hòa bình và chống lại sự lan rộng chiến tranh. Ai cũng thấy rằng chính sách leo thang hiện giờ chỉ có thể làm cho viễn cảnh hòa bình xa hút và càng đe dọa tiêu diệt toàn thể dân Việt,... Thực là một thực tại bi đát khi nhận ra rằng cuộc chiến đã tàn sát nhiều dân lành vô tội hơn là tàn sát Việt Cộng”; đồng thời khẳng định chính sách sai lầm của Mỹ ở Việt Nam: “Người Việt lại cũng nhận rằng chính sách hiện tại hoàn toàn vô hiệu và không thể chấp nhận được, nhất là vì những hậu quả khốc hại của nó trên xã hội Việt Nam” [1-1-1971, “Sáu năm vận động hòa bình cho Việt Nam”, Tạp chí Trình Bày, số 11, tr. 18]; đến cả những hoạt động hòa bình ôn hòa cũng bị chính quyền Sài Gòn đàn áp quyết liệt: “Năm ngoái, một số người trí thức yêu nước ký một bản kiến nghị¹³ yêu cầu chính

11. Cũng ở thời điểm này, “Phong trào tranh đấu bảo vệ hòa bình và hạnh phúc cho dân tộc” ra đời do Thượng tọa Thích Quảng Liên chủ trương, đã bị chính quyền Nguyễn Văn Thiệu cho là thân Cộng, và bị giải tán; sau đó, Thượng tọa Thích Quảng Liên bị buộc phải lưu vong sang Thái Lan.

12. Năm 1966, phong trào dân chủ, đòi quyền tự quyết dân tộc, thực chất là một cuộc vận động hòa bình, của toàn dân do Phật giáo đề xướng, diễn ra khắp các đô thị miền Nam từ 12-3 đến 23-6-1966. Để chống lại sự đàn áp dã man của chính quyền Thiệu - Kỳ, giới lãnh đạo Phật giáo kêu gọi Tăng Ni, Phật tử đưa bàn Phật ra đường ... Vì vậy, phong trào này được gọi là sự kiện “Bàn Phật xuống đường”.

13. Ngày 16-2-1965, cuộc vận động vì mục tiêu hòa bình Việt Nam đã được một số trí thức Sài Gòn đưa ra bằng một bản quyết nghị, chính quyền Sài Gòn phản ứng bằng cách “tống xuất” ra Bắc một số một số nhà lãnh đạo, gồm Bác sĩ Phạm Văn Huyền, Ký giả Cao Minh Chiêm và Giáo sư Tôn Thất Dương Kỳ.

quyền Việt Nam Cộng hòa và Mặt trận Giải phóng thương thuyết hòa bình với nhau, nhưng bị chính quyền đàn áp nặng nề”. Bản Tuyên cáo khẳng định đối với người Việt: “Đạo Phật và lòng yêu nước không thể tách rời nhau ra được” [1-1-1971, “Sáu năm vận động hòa bình cho Việt Nam”, *Tạp chí Trình Bày*, số 11, tr. 19] và đưa ra 5 giải pháp nhằm tiến đến hòa bình Việt Nam:

- “1. Hoa Kỳ ngưng oanh tạc ở Bắc cũng như ở Nam.
2. Giới hạn hoạt động quân sự Hoa Kỳ và Việt Nam lại trong phạm vi tự vệ nếu Mặt trận đáp ứng thì tức khắc đó là một cuộc ngưng bắn.
3. Hoa Kỳ long trọng cam kết rút quân ra khỏi Việt Nam trong một thời gian là bao nhiêu tháng, và bắt đầu rút ít toán quân để chứng minh thiện chí và sự thành thực.
4. Hoa Kỳ tuyên bố rõ rệt ý muốn tôn trọng ý chí của người Việt thành lập một chính quyền đáp ứng nguyện vọng của dân chúng Việt Nam, và thực hiện những hành động cụ thể để chứng minh lời tuyên bố đó như từ chối không ủng hộ nhóm này để đàn áp nhóm khác.
5. Thành thực giúp Việt Nam tái dựng xứ sở đã bị chiến tranh tàn phá - sự giúp đỡ này hoàn toàn không có liên hệ chính trị và ý thức hệ, những thứ này được coi như là động chạm đến nền độc lập Việt Nam” [1-1-1971, “Sáu năm vận động hòa bình cho Việt Nam”, *Tạp chí Trình Bày*, số 11, tr. 20].

Tiếp theo, Lễ Phật đàn 2511 (1967), Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (Phật giáo Ấn Quang¹⁴) đã có những hình thức mới, sáng tạo, thể hiện khát vọng hòa bình của người Việt Nam, như tại chùa Ấn Quang (Sài Gòn), một lễ đài biểu tượng cho tiến trình đi đến hòa bình Việt Nam gồm ba cấp được thiết kế: Hư chiến, Thương thuyết và Hòa bình. Trong suốt tuần lễ cầu nguyện Hòa bình Việt Nam với sự tham gia đông đảo của Tăng Ni, Phật tử Sài Gòn và vùng phụ cận. Vào ngày khai mạc (16-5-1967, tức ngày mồng Tám tháng Tư, Đinh Mùi), ngọn lửa hòa bình Nhất Chi Mai đốt lên tại chùa Từ Nghiêm (Sài Gòn) với nguyện ước:

14. Để đẩy lùi phong trào Phật giáo năm 1966, ngày 23-6-1966, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ cho quân tấn công Việt Nam Quốc Tự. Hầu hết giới lãnh đạo trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất rút về chùa Ấn Quang. Từ đây, hình thành nên danh xưng Phật giáo Ấn Quang (Phật giáo chiến đấu) và Phật giáo Quốc Tự (Phật giáo cánh hữu).

“Xin đem thân làm đuốc
 Xin soi sáng u minh
 Xin tình người thức tỉnh
 Xin Việt Nam hòa bình” [Thích Thiện Hoa, 1970, tr. 190].

Về bản chất cuộc chiến do Mỹ gây ra ở Việt Nam, trong thư gửi Chính phủ Mỹ, Nhất Chi Mai viết: “Bao nhiêu sáo ngữ ‘bảo vệ tự do và hạnh phúc’ cho Việt Nam mà quý Ngài dùng để làm chiêu bài bấy lâu nay, đã quá lỗi thời và lỗ bịch. Bao nhiêu tấn bom đạn, bạc tiền của quý Ngài đã trút lên đầu dân tộc tôi, để tàn phá thân xác và tinh thần quốc gia của họ. Bao nhiêu người Việt Nam có lòng với quốc gia dân tộc thì bị quý Ngài đàn áp và hãm hại. Bao nhiêu người Mỹ sáng suốt, nhân đạo và dũng cảm chỉ trích sự lầm lạc của quý Ngài, thì bị kết án lưu đày”.

Nhất Chi Mai khẳng định sự thất bại của Mỹ trong cuộc chiến tranh Việt Nam là không tránh khỏi: “Quý Ngài có biết người Việt chúng tôi, hầu hết trong thâm tâm của họ, họ chán ghét người Mỹ đã mang chiến tranh đau khổ đến cho xứ sở của họ lắm rồi không?”

Càng leo thang chiến tranh, càng đổ nhiều nhân lực và tài lực tại đây, các Ngài chỉ thất bại chua cay thôi. Sự vụng về của các Ngài làm cho quý Ngài mất hết chính nghĩa”.

Tinh thần vị tha của Phật tử Nhất Chi Mai không dừng lại “để cứu nguy cho hàng triệu sinh mạng người Việt Nam” mà cả “người Hoa Kỳ và danh dự đại cường Hiệp Chúng Quốc”, Nhất Chi Mai đề nghị 4 giải pháp:

- “1. Ngừng oanh tạc Bắc và Nam Việt Nam.
2. Từ từ rút binh, giao cho người Việt Nam định đoạt số phận của họ.
3. Nhờ Liên Hiệp Quốc kiểm soát tổng tuyển cử. Người Việt Nam, nếu được tự do thực sự, họ đủ khôn ngoan để lựa chọn chế độ nào tự do và hạnh phúc.
4. Giúp đỡ nhân dân Việt Nam tái thiết xứ sở họ đã tan nát vì bom đạn của quý Ngài” [Thích Thiện Hoa, 1970, tr. 194].

Nhất Chi Mai đã mượn cái “chết” để nói lên ước vọng hòa bình. “Ngọn đuốc sáng ấy đã bùng cháy trong tận cùng trái tim mỗi người Việt Nam yêu nước, của loài người tiến bộ khắp thế giới” [Nhiều tác giả,

2015, tr. 291]. “Nhất Chi Mai đã đi vào lịch sử dân tộc, đã tự thắng được mình là chiến thắng oanh liệt nhất và xứng đáng để mọi người ghi nhớ mình cảm mến,... Phật tử hãy chấp nhận mọi đau khổ để nói lên tiếng nói Hòa bình thực sự” [Công văn số 002767/TCSQG/S1/D/K ngày 16-1-1969 của Đại tá Trần Văn Hai, Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia kính gửi Đại tướng, Tổng trưởng Nội vụ Sài Gòn]. Thượng tọa Thích Nhất Hạnh khẳng định: “Thích Quảng Đức¹⁵ và Nhất Chi Mai, hai thể hệ cách xa nhau, đã nói lên cùng một nguyện vọng và ý chí của con người Việt Nam cho hòa bình và cho nhân đạo” [Trần Thị Đông Thi, 2017, “Cuộc vận động vì mục tiêu hòa bình Việt Nam...”, Tạp chí Huế Xưa & Nay, số 141, tr. 81].

Từ diễn đàn trong nước và quốc tế đến cuộc tự thiêu của Nhất Chi Mai vì hòa bình Việt Nam cho thấy từ khi Mỹ tiến hành “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc; Tăng Ni, Phật tử Việt Nam không mơ hồ về bản chất cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra. Họ cực lực lên án cuộc chiến tranh, đòi Mỹ rút quân, đòi độc lập dân tộc, đòi các quyền tự do dân chủ cho nhân dân miền Nam, gạt bỏ chính quyền Sài Gòn; Mỹ phải chịu trách nhiệm về những hậu quả của cuộc chiến tranh do Mỹ gây ra.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968 đập tan “ý chí chiến thắng” của Mỹ. Dean Rusk, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, cho rằng cuộc tiến công Tết là “một thành công chính trị về vang dội với Bắc Việt Nam - ở đây, ngay tại Mỹ” [Williams, 1975, p. 272]. Chính Tổng thống Johnson phải thừa nhận: “Rõ ràng cuộc tiến công Tết đã làm suy sụp tinh thần nước Mỹ” [Johnson, 1972, p. 504]. Nhà Trắng bị nhân dân thế giới và nhân dân Mỹ chỉ trích và lên án gay gắt, buộc chấp nhận đàm phán với Việt Nam dân chủ cộng hòa tại Paris từ ngày 13-5-1968. Tại bàn đàm phán Paris, một trong những vấn đề then chốt mà phái đoàn Việt Nam dân chủ cộng hòa đưa vào chương trình nghị sự là đòi Mỹ phải chấp nhận Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tham dự hội nghị với tư cách là một bên độc lập và bình đẳng. Hậu thuẫn cho quan điểm này, giới lãnh đạo Phật

15. Trong phong trào Phật giáo miền Nam Việt Nam năm 1963, ngày 11-6-1963, Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu tại ngã tư đường Lê Văn Duyệt - Phan Đình Phùng (nay là đường Cách mạng tháng Tám - Nguyễn Đình Chiểu). Đây là cuộc tự thiêu tiêu biểu nhất của Phật giáo Việt Nam, nó đã chuyển phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963 tiến nhanh, tiến mạnh trên cả hai bình diện quốc nội và quốc tế.

giáo Việt Nam cho rằng để đạt được hòa bình, điều cần thiết là phải chấp nhận chính kiến dị biệt. Quyết nghị Đại hội Phật giáo Ấn Quang toàn quốc nhiệm kỳ III (từ 18 đến 21-8-1968) viết: “Đại hội chủ trương một sự đoàn kết chân thành và thiết thực vì sự tồn vong và hạnh phúc của dân tộc vượt lên mọi dị biệt ý thức hệ, chính kiến và tín ngưỡng,... Đại hội không phản đối quyền tự do hoạt động theo chính kiến dị biệt của mọi đoàn thể trong quốc gia căn cứ trên nghĩa đồng bào và quyền lợi dân tộc” [Hoàng Xuân Hào, 1972, Q. II, tr. 409]. Rõ ràng, Phật giáo không phản đối sự hiện diện những ý thức hệ dị biệt, tức mặc nhiên chấp nhận sự hiện diện của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong cộng đồng quốc gia. Thượng tọa Thích Thiện Hoa, trên cương vị là Viện trưởng Viện Hóa Đạo (Phật giáo Ấn Quang) khẳng định: “Tất cả các bên tham gia chiến tranh ở Việt Nam đều phải được tham dự các cuộc nói chuyện hòa bình” [Trần Văn Giàu, 1978, tr. 199]. Điều này có nghĩa là không có lý do nào loại trừ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ở Hội nghị Paris như chính quyền Nguyễn Văn Thiệu - Nguyễn Cao Kỳ đòi hỏi.

Bị dư luận trong nước và quốc tế phản đối quyết liệt, Mỹ buộc phải chấp nhận đàm phán bốn bên ở Paris (Việt Nam dân chủ cộng hòa, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Mỹ và Việt Nam cộng hòa). Ngày 25-01-1969, đàm phán bốn bên khai mạc tại Paris, ngày này, nhân lễ Phật Thích Ca thành đạo (Mồng Tám tháng Chạp năm Kỷ Dậu), tại Sài Gòn, hàng vạn Phật tử rước Xá Lợi Phật từ chùa Phổ Minh về chùa Ấn Quang. Cuộc rước Phật đã biến thành cuộc biểu tình đòi hòa bình. Tăng Ni, Phật tử đã trương lên những khẩu hiệu: “Chúng tôi muốn hòa bình!”, “Hãy trả lại độc lập cho chúng tôi!”, “Hòa bình, độc lập muôn năm!”, “Phản đối âm mưu kéo dài chiến tranh!”, “Phải thương thuyết nghiêm chỉnh!”. Cứ mỗi lần khẩu hiệu được hô lên thì đoàn người biểu tình đáp lại bằng hai tiếng: “Hòa bình! Hòa bình! Hòa bình!” [Trần Văn Giàu, 1978, tr. 259].

Mặc dầu chịu ngồi vào đàm phán, song chính quyền Nguyễn Văn Thiệu vẫn tiếp tục nuôi tham vọng tiêu diệt những ai tán thành hòa bình và trung lập. Theo Nguyễn Văn Thiệu, “bất cứ ai chủ trương trung lập cho Nam Việt Nam trong giai đoạn này là ngu xuẩn” (Tuyên bố tại Vũng Tàu, 3-11-1969) [Ngày 5-11-1969, Báo Chánh đạo], trung lập là “bấp bênh và sẽ đưa quốc gia trôi nổi như chiếc lá vàng giữa gió, như con cá lợi giữa dòng không biết theo về đâu, hoặc giả như khúc

củi khô trôi bồng bênh rồi có ngày giạt ra biển cả mà mục nát” [Ngày 7-11-1969, Báo Chánh đạo], “những ai đòi hòa bình ngay tức khắc là mị dân, là cộng sản nằm vùng” (Tuyên bố ngày 25-8-1970 tại Vũng Tàu) [Ngày 26-8-1970, Báo Chánh đạo], ...

Vì vậy, đối với Phật giáo muốn có hòa bình phải lật đổ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu. Tiêu biểu cho lập luận này là Lời kêu gọi của Chủ tịch Hội Phật giáo Việt kiều hải ngoại: *“Chính quyền Thiệu - Kỳ - Hương¹⁶ phản đối kịch liệt việc ngưng ném bom miền Bắc, đã dùng những mảnh khốe gian lận để làm trì hoãn cuộc thương lượng ở Paris, đã và đang đàn áp dã man để bóp nghẹt tiếng nói hòa bình của quần chúng... chính quyền đó chứng minh rõ ràng rằng trước mắt mọi người rằng họ không muốn hòa bình và không thể nào có hòa bình với họ. Chính quyền đó chẳng đại diện cho ai cả, bởi vì nhân dân và nhất là Phật tử chưa bao giờ thừa nhận họ... Để tạo điều kiện cho sự văn hồi hòa bình ở Việt Nam, thay đổi chính quyền Sài Gòn là việc tối cần thiết; một chính quyền mới để thực hiện nguyện vọng hòa bình tha thiết của dân tộc, sẽ mở cuộc đàm phán với Chính phủ Hoa Kỳ và nói chuyện với Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam về việc ngưng bắn, việc triệt thoái quân đội ngoại quốc, và việc thành lập Chính phủ Liên hiệp tại miền Nam Việt Nam” [Trần Văn Giàu, 1978, tr. 200-201].*

Năm 1970, khi Nhà trắng mở rộng chiến tranh ra toàn bộ Đông Dương, cuộc vận động hòa bình Việt Nam của Phật giáo được nâng lên một bước mới. Nổi bật nhất là *“Giải pháp 6 điểm về hòa bình của Phật giáo Ấn Quang”* do Thượng tọa Thích Thiện Minh, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Phật giáo Ấn Quang, công bố tại Đại hội Phật giáo thế giới tổ chức tại Kyoto (Nhật Bản) ngày 20-10-1970, gồm những nội dung chủ yếu:

“Điều thứ 1. Các bên lâm chiến bắt đầu từ ngày hôm nay xuống thang chiến tranh dần dần để đi tới một cuộc ngưng bắn toàn diện vào lúc 6 giờ chiều ngày 30 Tết Tân Hợi.

Điều thứ 2. Tổ chức Liên Hiệp Quốc phải cấp thời chỉ định một số quốc gia Trung lập như Pháp, Ấn, Hôì, Thụy Điển,... để thành lập một Ủy hội Quốc tế kiểm soát cho một cuộc ngưng bắn này. Một chuyên viên quân sự của Chánh phủ Việt Nam cộng hòa và một chuyên viên quân

16. Thiệu - Kỳ - Hương, tức Nguyễn Văn Thiệu, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa; Nguyễn Cao Kỳ, Phó Tổng thống Việt Nam Cộng hòa; Trần Văn Hương, Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa.

sự của Chánh phủ Cách mạng lâm thời miền Nam sẽ được tham gia đại diện vào trong Ủy hội này.

Điều thứ 3. Chánh phủ Việt Nam cộng hòa phải phóng thích tất cả tù nhân chính trị như sinh viên, trí thức, tu sĩ và tất cả những người đương bị giam giữ vì đã đấu tranh cho hòa bình và quyền tự chủ của quốc gia.

Điều thứ 4. Chánh phủ Hoa Kỳ phải chấm dứt tình trạng thối nát, độc tài và bất lực hiện tại ở miền Nam Việt Nam bằng cách phải để cho người Việt tự do lựa chọn một chánh quyền có thể đại diện cho đa số quần chúng, có bản chất hòa giải dân tộc, không liên kết và có đầy đủ khả năng, để:

a) Thương thuyết với Chánh phủ Hoa Kỳ về thời biểu triệt thoái toàn thể quân lực Hoa Kỳ ở Việt Nam và về những liên hệ ngoại giao, văn hóa, kinh tế giữa Hoa Kỳ và Việt Nam.

b) Thương thuyết với Chánh phủ Cách mạng lâm thời về những thể thức tổ chức tổng tuyển cử để đại diện cho mọi khuynh hướng chính trị ở miền Nam Việt Nam. Một cuộc bầu cử thực sự tự do dưới sự giám sát quốc tế, trong đó mọi người dân bất cứ khuynh hướng chính trị nào đều có thể tham dự.

Điều thứ 5. Các Chánh phủ Hoa Kỳ, Liên bang Xô Viết, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và các quốc gia liên hệ khác cộng tác với nhau để chấm dứt những khổ đau của người Việt bằng cách ủng hộ đề nghị này do chính người Việt đưa ra.

Điều thứ 6. Các phía lâm chiến tại Việt Nam và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, các giáo hội tôn giáo và các nhà nhân bản kịp thời hành động để thúc đẩy các quốc gia có trách nhiệm về chiến tranh Việt Nam chấm dứt cuộc chiến tranh tại Việt Nam, Kampuchia và Lào" [Giải pháp sáu điểm để chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại Việt Nam].

"Giải pháp 6 điểm về hòa bình của Phật giáo Ấn Quang", nổi lên ba vấn đề cơ bản:

Một là, Phật giáo tố cáo chính quyền Nguyễn Văn Thiệu là thối nát, độc tài, không hội đủ những điều kiện cần thiết để đại diện cho nhân dân miền Nam Việt Nam; có nghĩa là phủ nhận sự tồn tại của chính quyền này, một thế lực phi nghĩa đang ngăn cản hòa bình Việt Nam.

Hai là, khi đề nghị “một chính quyền có thể đại diện cho đa số quần chúng, có bản chất hòa giải dân tộc, không liên kết và có đầy đủ khả năng” để thương thuyết với Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Phật giáo không những bất tín nhiệm chính quyền Nguyễn Văn Thiệu mà còn xếp Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở vị trí bình đẳng với chính quyền lâm thời được bầu ra.

Ba là, Phật giáo đặt vấn đề “Chánh phủ Hoa Kỳ về thời biểu triệt thoái toàn thể quân lực Hoa Kỳ ở Việt Nam”, nhưng không đề cập đến việc rút “quân đội miền Bắc” ở miền Nam. Điều này có nghĩa là thừa nhận sự có mặt “quân đội miền Bắc” ở miền Nam.

“Giải pháp 6 điểm về hòa bình của Phật giáo Ấn Quang” đã tạo được tiếng vang lớn ở diễn đàn Hội nghị Kyoto. Theo báo “Sài Gòn mới” (26-10-1970), “Giải pháp 6 điểm về hòa bình của Phật giáo Ấn Quang” được Hội nghị Quốc tế Phật giáo ở Kyoto dùng làm nền tảng cho nghị quyết “kêu gọi rút quân ngoại nhập và lập chánh phủ có ‘căn bản rộng rãi’ ở Sài Gòn” [Phiếu trình Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ngày 7-11-1970 của Phụ tá đặc biệt về ngoại vụ]. Bản Nghị quyết 10 điểm về Việt Nam của Hội nghị Quốc tế Phật giáo ở Kyoto (20-10-1970), có đoạn viết: “Hoa Kỳ rút lui sự hỗ trợ cho chánh quyền Việt Nam cộng hòa mà bản chất là quân nhân, để dân chúng Việt Nam dễ dàng bầu lên một chánh quyền dân sự thực sự đại diện” [Hoàng Xuân Hào, 1972, Q. I, 128].

Khách quan mà nói, “Giải pháp 6 điểm về hòa bình của Phật giáo Ấn Quang” đã tán thành hầu hết các mục tiêu cơ bản mà Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đang hướng tới: Mỹ rút quân, trả tự do cho tù nhân chính trị vì đã đấu tranh cho hòa bình và quyền tự chủ quốc gia, loại trừ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, thừa nhận Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, thành lập chính phủ không liên kết,... Đó chính là con đường đi đến hòa bình Việt Nam.

Cũng trong kế hoạch chống chiến tranh, đòi hòa bình Việt Nam, ngày 29-12-1970, Đại hội Sinh viên Phật tử miền Nam Việt Nam tại Đà Lạt. Đại hội đã ra Tuyên ngôn lên án chính sách gây chiến của Mỹ, vạch trần bản chất bù nhìn của chính quyền Nguyễn Văn Thiệu,

đòi Mỹ phải rút quân, tôn trọng độc lập, chủ quyền của dân tộc Việt Nam. Tuyên ngôn khẳng định:

“Nguyên nhân cuộc chiến tranh Việt nam là do Chính phủ Mỹ gây ra, nhà cầm quyền hiện hữu không đại diện cho nhân dân miền Nam Việt Nam mà do chính quyền Mỹ dựng lên.

Toàn bộ quân đội Mỹ và đồng minh của Mỹ phải tức khắc rút quân vô điều kiện ra khỏi miền Nam, giải tán toàn bộ phương tiện chiến tranh, căn cứ quân sự ở miền Nam.

Chính phủ Mỹ phải chấm dứt ngay sự ủng hộ nhà cầm quyền miền Nam Việt Nam, chấm dứt viện trợ quân sự, để nhân dân miền Nam Việt Nam tự định đoạt lấy vận mạng của mình mà không bị bất cứ một hình thức can thiệp nào từ bên ngoài.

Chính phủ Mỹ phải triệt để tôn trọng quyền tự quyết của dân tộc Việt Nam, tôn trọng chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam” [Việt Cường, ‘Quá trình hoạt động và đóng góp của Sinh viên Phật tử Sài Gòn’, Tin Tưởng, số ra mắt Ban Chấp hành Đoàn Sinh viên Phật tử Sài Gòn, niên khoá 1971 - 1972 (không ghi số trang)].

Trong điều kiện chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đang ra sức khủng bố ác liệt những đoàn thể và cá nhân đòi Mỹ rút quân, đòi hòa bình Việt Nam, *Tuyên ngôn của Đại hội Sinh viên Phật tử miền Nam Việt Nam (29-12-1970)* đã thể hiện hùng khí của thanh niên Việt Nam, khi họ nói lên tiếng nói chính nghĩa dân tộc ngay giữa lòng địch; mặt khác, đây là mặt chủ yếu, tuyên ngôn hàm chứa những nội dung cơ bản mà phái đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đưa ra tại bàn đàm phán Paris, như đòi Mỹ rút quân, loại trừ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, thành lập chính phủ không liên kết, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, tôn trọng chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam,... Tất cả là tạo nên một bước tiến căn bản để đi đến hòa bình Việt Nam. Vì vậy, về thực chất *Tuyên ngôn của Đại hội Sinh viên Phật tử miền Nam Việt Nam (29-12-1970)* là một cuộc vận động hòa bình Việt Nam.

Sang năm 1971, cuộc vận động hòa bình Việt Nam tiếp tục diễn ra. Tại Huế, ngày 9-5-1971, Đại đức Thích Chơn Thế (chùa Tường Vân) tự thiêu đòi hòa bình tại công viên Quách Thị Trang¹⁷. Trong

17. Công viên trước Trường Hai Bà Trưng, Huế.

thư gửi Tổng thống Mỹ, Thích Chơn Thế nói rõ thảm họa chiến tranh do Mỹ gây ra đối với dân tộc Việt Nam: “*Dân tộc chúng tôi đã chết chóc quá nhiều. Máu dân Việt đã chảy thành sông, xương dân Việt đã chất thành núi.*”

Vậy trước giờ chết, tôi kêu gọi các Ngài:

1. Rút quân ra khỏi Việt Nam;
2. Trả lại quyền tự do cho dân Việt tự lo liệu để sớm hòa bình, thống nhất đất nước”.

3. Vậy hôm nay tôi đốt thân này để kêu gọi hòa bình thật sự cho người Việt Nam lo liệu lấy, cùng yêu cầu nhân dân và đồng bào Mỹ hãy kêu gọi chồng, con em trở về xứ sở ...” [*Thành đoàn Huế, 1987, tr. 75-76*].

Tiếp theo, cũng tại Huế, ngày 28-7-1971 diễn ra Đại hội Sinh viên miền Nam Việt Nam kỳ V. Sinh viên Đại học Vạn Hạnh (Đại học Phật giáo) là một trong bốn đoàn đại biểu các trường đại học tham gia. Đại hội công khai phổ biến và tuyên bố ủng hộ “*Lập trường 7 điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam về việc lập lại hòa bình tại Việt Nam*”, do Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Thị Bình đưa ra tại phiên họp lần thứ 119 của hội nghị Paris.

Sau đại hội, sinh viên, học sinh tỏa ra các chợ, các khu dân cư để tuyên truyền nghị quyết đại hội. Các khẩu hiệu: “*Còn Thiệu còn chiến tranh*”, “*American go home*”, “*Chống Thiệu là chống chiến tranh*”,... được viết khắp nơi trong thành phố. Tổng hội Sinh viên Huế đã in 5.000 bản Tuyên bố 7 điểm của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam để phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

Tại Sài Gòn, ngày 2-8-1971, Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống ra mắt tại chùa Ấn Quang. Ni sư Huỳnh Liên tham gia lãnh đạo phong trào với chức vụ cố vấn. Phong trào ra tuyên ngôn “*đòi Mỹ rút quân về nước, đòi chấm dứt chiến tranh, đòi thành lập chính phủ thật sự đại diện cho nhân dân miền Nam Việt Nam, đòi quyền sống và bảo vệ nhân phẩm phụ nữ*” [*2002, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 267*]. Với sự cố vấn của Ni sư Huỳnh Liên, Phong trào Phụ nữ đòi quyền sống đã “*đấu tranh không súng không gươm, chỉ bằng đuốc tuệ, tính kiên trì, quyết liệt, không ngại hà lừa bồng dầu sôi, tích cực hy sinh cho quyền*

sống và hòa bình dân tộc,... bằng những biện pháp hết sức thông minh, linh hoạt, làm cho địch thất điên bát đảo, và từ đó, danh hiệu ‘Đội quân đầu tròn’ bên cạnh ‘Đội quân tóc dài’ hiện ngang đi vào lịch sử dân tộc” [2002, *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh*, tr. 267].

Năm 1972, trước thất bại nặng nề ở ở cả hai miền Nam - Bắc Việt Nam, Nhà Trắng bị dư luận quốc tế và ngay cả nước Mỹ phản đối quyết liệt¹⁸, ngày 27-1-1973, tại Paris, Mỹ phải chịu ký “*Hiệp định về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*”. Với hiệp định này, Mỹ chấp nhận tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, rút hết quân về nước, lực lượng vũ trang cách mạng ở miền Nam được giữ nguyên vị trí,... Hòa bình Việt Nam tưởng chừng như đạt được, song chiến tranh vẫn diễn ra, tiếp tục gây ra biết bao thang thương, đau khổ cho nhân dân Việt Nam. Vì vậy, đối với Phật giáo, như Bồ tát Địa Tạng đã nguyện ước:

*“Chúng sanh độ tận bốn phương,
Địa ngục còn thể không thành Phật”.*

Cuộc vận động hòa bình của Phật giáo Việt Nam do đó vẫn tiếp tục. Ngày 17-10-1973 (tức ngày 22 tháng 9 Quý Sửu), ngọn lửa hòa bình Việt Nam của Sa-di Thích Viên Đạo, một giới tử của Đại giới đàn Phước Huệ¹⁹, bốc cháy trên đồi Trại Thủy, trước Kim Thân Phật Tổ tại Nha Trang. Thích Viên Đạo để lại thư; nói rõ đại nguyện của mình là tự thiêu để cầu nguyện hòa bình Việt Nam và thế giới. Thư gửi Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức trong Đại Giới đàn Phước Huệ, Thích Viên Đạo viết: “*Đệ tử là Lê Ái Minh, pháp danh Tâm Thành, Pháp tự Viên Đạo,... vì nghĩ đến hiện tình đất nước đang còn chịu nhiều khổ đau do chiến tranh gây ra không chỉ ở Việt Nam của chúng ta mà còn lan rộng ra các nước khác nữa. Đáng lý ra hòa bình có thể vẫn hồi rồi, nhưng có một số người muốn nuôi dưỡng*

18. Ngay sau cuộc tập kích bằng không quân chiến lược vào Hà Nội và Hải Phòng (từ 18 đến 29-12-1972) kết thúc, một cuộc thăm dò dư luận do viện Gallup thực hiện. Kết quả, 60% dân Mỹ cho rằng chiến tranh mà Mỹ đang tiến hành ở Việt Nam là “*một sai lầm*” (a mistake) và hơn 2/3 dân chúng Mỹ cho rằng Nixon đã không nói sự thật về vấn đề Việt Nam [Prados, 2009, p. 513].

19. Trong ba ngày 19, 20, 21 tháng 9 năm Quý Sửu (tức ngày 14, 15, 16 tháng 10-1973, Phật học viện Hải Đức, Nha Trang tổ chức Giới đàn Phước Huệ. Đây là Đại Giới đàn lần thứ ba do Phật học viện này tổ chức.

chiến tranh để tư lợi riêng cho nên những trận ác chiến cứ tiếp tục diễn ra không bao giờ ngừng cả. Vì muốn dứt tan ý nghĩ tham vọng của số người đó nên con đã âm thầm phát nguyện thiêu thân nhân ngày bế mạc Đại Giới đàn Phước Huệ” [1973, *Thư của Đại đức Thích Viên Đạo gửi Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức trong Đại Giới đàn Phước Huệ*, *Đặc san Đuốc Thiêng Hòa Bình, Phật học viện Hải Đức, Nha Trang, tr. 9*].

Cũng ước nguyện đó, trong thư gởi đồng bào, Thích Viên Đạo viết: “Nay tôi tu sĩ Thích Viên Đạo, tục danh Lê Ái Minh, vì thấy cảnh khổ của đồng bào phải chịu do chiến tranh gây ra nên đã âm thầm phát nguyện thiêu thân để cầu nguyện Hòa Bình cho Đất Nước chúng ta và cho toàn thể thế giới. Chỉ mong đồng bào sớm được an lạc” [1973, *Đặc san Đuốc Thiêng Hòa Bình, Phật học viện Hải Đức, Nha Trang, tr. 10*].

Với ý nghĩa trên, Đại Giới Đàn Phước Huệ cũng được gọi là Đại giới đàn Cầu Nguyện Hòa Bình. Hòa thượng Thích Trí Thủ²⁰, vừa là Giám viện Phật học viện, vừa là Chánh Chủ đàn khẳng định: “Đại Giới Đàn Phước Huệ là giới đàn đầu tiên được tổ chức sau Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết ngày 27-1-1973 tại Paris. Cho nên, trong ý nghĩa này, cũng có thể gọi Đại Giới Đàn này là Đại Giới Đàn Cầu Nguyện Hòa Bình” [1973, *Đặc san Đuốc Thiêng Hòa Bình, Phật học viện Hải Đức, Nha Trang, tr. 3*].

Ngọn lửa Thích Viên Đạo một lần nữa khẳng định: “Trải qua suốt những thăng trầm của lịch sử dân tộc và Phật giáo, hễ khi nào Dân Tộc và Đạo Pháp bị tai ương và nhục nhằn của lịch sử, thì khi đó liền có những người con thân yêu của Dân Tộc và Đạo Pháp tự nguyện hiến dâng trọn vẹn đời mình cho sự nghiệp tôn vong của Dân Tộc và Đạo Pháp” [1973, *Đặc san Đuốc Thiêng Hòa Bình, Phật học viện Hải Đức, Nha Trang, tr. 26*], bởi một điều dễ hiểu:

“Cửa từ bi tựa cửa chiến hào,

Vì tu sĩ cũng là chiến sĩ” [1973, *Đặc san Đuốc Thiêng Hòa Bình, Phật học viện Hải Đức, Nha Trang, tr. 19*].

Tiếp theo, nhân kỷ niệm 11 năm Pháp nạn (20-8-1963 - 20-8-1974), Hòa thượng Thích Giác Nhiên, Đệ nhị Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (Ấn Quang), công bố Thông điệp

20. Hòa thượng Thích Trí Thủ sau này là Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (1973 - 1981), tiếp theo là Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương (1981 - 1984).

“kêu gọi thực thi nghiêm chỉnh Hiệp định Paris trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc” với nội dung:

“Hiệp định Paris ngày 27-1-1973, tuy không phải là một văn kiện hoàn hảo, nhưng ít ra, đã nói lên được tinh thần tương nhượng, hòa giải giữa các bên lâm chiến. Nó cho thấy không có kẻ thua và người được, phe thắng và phe bại. Vì vậy ngay sau ngày hiệp định ấy được ký kết, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất đã ra nhiều thông bạch và thông cáo hoan nghinh các thành quả của Hiệp định...”

Tiếc thay, từ ngày Hiệp định Paris được ký kết cho đến nay, 18 tháng đã trôi qua, hầu hết các điều khoản trong Hiệp định chưa hề được thi hành một cách nghiêm chỉnh. Bom đạn đã tiếp tục rơi. Máu xương vẫn tiếp tục đổ. Tù nhân chiến tranh đa số vẫn tiếp tục bị giam cầm, các quyền tự do dân chủ chưa được ban bố. Thành phần thứ ba vẫn bị kiềm hãm, hội đồng hòa giải và hòa hợp chưa được thành hình.

Hậu quả tai hại của những vi phạm nói trên là đời sống vật chất của đồng bào càng ngày càng thêm đói khổ lầm than, đời sống tinh thần mỗi ngày mỗi thêm tối tăm sa đọa. Chết chóc vẫn hoành hành, căm thù thêm chồng chất, nổi thống khổ của đồng bào không bút mực nào tả xiết.

Đứng trước thảm họa diệt vong của dân tộc, tôi nhân danh Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, khẩn thiết kêu gọi các giới thẩm quyền đã ký kết vào Hiệp định Paris hãy tôn trọng chữ ký của mình cố gắng thực thi nghiêm chỉnh những điều đã cam kết...

Tôi khẩn thiết kêu gọi đồng bào cả hai miền Nam Bắc Việt Nam, đồng bào ở hai vùng kiểm soát của hai bên miền Nam Việt Nam, các lực lượng thuộc thành phần thứ ba, các đoàn thể chính trị, văn hóa xã hội, thanh niên hãy tích cực bảo vệ thành quả của Hiệp định Paris...

Tôi cũng khẩn thiết kêu gọi các nước, nhất là các cường quốc đã ký vào bản thông cáo chung, các đoàn thể và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, hãy tỏ thiện chí tối đa, nỗ lực và giúp đỡ dân tộc chúng tôi sớm tái lập hòa bình, chấm dứt một trang sử đẫm máu đã quá dài và đã làm xúc động lương tâm của nhân loại không ít” [Nhiều tác giả, 2015, tr.448-449].

Ngày 15-8-1974, Viện Hóa Đạo (Phật giáo Ấn Quang) đã có Thông tư gửi các cấp giáo hội và toàn thể Phật giáo đồ yêu cầu tuyên

đọc Thông điệp của Đức Tăng thống trong buổi lễ kỷ niệm 11 năm ngày Pháp nạn, đi liền với việc đồng loạt treo các khẩu hiệu trước và trong các chùa, các cơ sở Giáo hội với 3 nội dung:

“Xin đừng bắn giết đồng bào ruột thịt.

Hãy lấy tình thương hóa giải hận thù,

Yêu cầu thực thi nghiêm chỉ Hiệp định Paris” [Nhiều tác giả, 2015, tr. 449].

Hoạt động kỷ niệm ngày Pháp nạn gắn liền với phổ biến Thông điệp của Hòa thượng Thích Giác Nhiên, Đệ nhị Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, có ý nghĩa cổ vũ tăng ni, Phật tử và mọi giới đồng bào tiếp tục cuộc đấu tranh cho hòa bình Việt Nam²¹.

Cuộc vận động hòa bình của Phật giáo Việt Nam (1965-1975) đã góp phần hết sức quan trọng trong việc nêu cao chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam. Nó chứng minh hùng hồn về sự thống nhất ý chí của tăng ni, Phật tử Việt Nam trong sự nghiệp phục vụ dân tộc và Đạo pháp, thể hiện rõ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, một nhân tố hết sức quan trọng để đem lại hòa bình Việt Nam. Chân lý: *“Hai ngàn năm Phật giáo Việt Nam là hai ngàn năm Phật giáo nhập thân với dân tộc” [Hà Văn Tấn, 1991, ‘Phật giáo với cách mạng’, Nghiên cứu Phật học, số 1, tr.23]* thêm một lần nữa trở thành hiện thực, đúng như Hồ Chí Minh khẳng định: *“Phật giáo Việt Nam với dân tộc như hình với bóng, tuy hai mà một” [Thích Đức Nghiệp, 1991, ‘Hồ Chủ tịch, một biểu trưng nhân bản Việt Nam’, Nghiên cứu Phật học, số 1, tr. 29].*

Từ cuộc vận động hòa bình của Phật giáo Việt Nam (1965-1975) như đã trình bày và phân tích, một số suy nghĩ về một xã hội bền vững được rút ra:

Một là, cuộc vận động hòa bình của Phật giáo Việt Nam, dù dưới hình thức tuyên ngôn, kháng nghị, biểu tình, ... hay tuyệt thực, tự thiêu; Phật giáo đều lên án Mỹ, kẻ gây ra cuộc chiến tranh Việt Nam, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu là công cụ của Mỹ, vì thế, Mỹ phải triệt thoái toàn bộ quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam và

21. Thực ra, sau ngày 27-1-1973, cuộc vận động hòa bình Việt Nam được Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (Ấn Quang) được lồng ghép trong các phong trào khác, như đòi thi hành Hiệp định Paris, phong trào đòi thành lập Chính phủ Hòa giải, Hòa hợp dân tộc,...

luận tội chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, bởi “*chính quyền đó chẳng đại diện cho ai cả, bởi vì nhân dân và nhất là Phật tử chưa bao giờ thừa nhận họ... Để tạo điều kiện cho sự văn hồi hòa bình ở Việt Nam, thay đổi chính quyền Sài Gòn là việc tối cần thiết...*” [Trần Văn Giàu, 1978, tr. 200-201]. Dù không tuyên bố, trong cuộc vận động hòa bình, Phật giáo Việt Nam đã đứng hẳn về phía lực lượng kháng chiến, có nghĩa là đứng về phía dân tộc. Chính một số nhà nghiên cứu không cộng sản ở miền Nam trước năm 1975 cũng phải thừa nhận chân lý này: “*Người ta chỉ thấy các chiến dịch của Phật giáo đã đảo chính phủ và người Mỹ, chứ không thấy một cuộc công khai đã đảo Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam mà phe chống Cộng cho là nguồn gốc của cuộc chiến hiện nay*” [Hoàng Xuân Hào, 1972, Q. II, tr. 410].

Do đó, để có được một xã hội bền vững, dù là đại cường, thì điều có tính nguyên tắc là không được can thiệp vào chủ quyền của quốc gia khác, bởi nếu can thiệp diễn ra, không chỉ quốc gia bị động mà cả quốc gia chủ động can thiệp vẫn không có được một xã hội bền vững hiểu theo nghĩa rộng của nó. Mặt khác, đây là mặt vô cùng quan trọng, những người đứng đầu nhà nước, dù một nhà nước của các nước đang phát triển, quyết không là công cụ cho bất cứ một thế lực ngoại bang nào. Các chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1954 - 1975), từ chính quyền Ngô Đình Diệm đến chính quyền Nguyễn Văn Thiệu “*đều là những đứa con đẻ của Chính phủ Hoa Kỳ, để làm công cụ bù nhìn cho một chính sách xâm lược quy mô*” [Pháp Siêu, 1967, tr. 12]. Các chính quyền này không chỉ gây xáo trộn xã hội miền Nam, làm mất độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam mà gây tác động trở lại làm cho xã hội Mỹ thêm “*rối loạn*”²².

22. Một chế độ độc tài, gia đình trị Ngô Đình Diệm thi hành chính sách kỳ thị Phật giáo, tất yếu dẫn đến phong trào Phật giáo miền Nam năm 1963. Quyết tâm đè bẹp phong trào, chính quyền Ngô Đình Diệm thi hành nhiều chính sách và biện pháp, đỉnh cao là “*Kế hoạch nước lử*” (đêm 20 rạng 21-8-1963). Theo Maneli (Đại diện Ba Lan tại Ủy hội Quốc tế): “*Hành vi tấn công chùa hóa ra lại làm mất uy tín chế độ trước người Việt Nam và thế giới*” (Howard Jones, *Death of a Generation - How the Assassinations of Diem and JFK Prolonged the Vietnam War*, Oxford University Press, New York, 2003, tr. 313). Phản ứng của nhân dân Mỹ là tại sao Chính phủ Mỹ lấy mỗi ngày 1,5 triệu đô-la từ tiền thuế dân để bảo vệ những kẻ bức hại tôn giáo, vi phạm nhân quyền. Từ đó, Nhà Trắng quyết định tiến hành cuộc đảo chính lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm (1-11-1963). Và chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ (1-11-1963), nhân dân miền Nam “*phấn khởi reo mừng như vừa thoát một tai ách đè nặng trên đời mình*”. Họ “*đòi hỏi muốn thấy một bộ mặt hoàn toàn mới, đập đổ tất cả những cái gì do chế độ cũ tạo ra, không cần cân nhắc lợi hại*” [Bộ Thông tin - Phòng 2, số 13559/VICT/TM2/TB/K, Bản nhận định tình hình

Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu thi hành chính sách quân phiệt, tiếp tay cho Nhà Trắng gây chiến ở Việt Nam,... đã làm cho xã hội Mỹ không còn ổn định như trước. Norman Morrison tự thiêu (2-11-1965) ngay bên cạnh Lầu Năm Góc. Từ đó, phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam bùng phát dữ dội và liên tục ở Mỹ, đến nỗi ngày 4-4-1968, “một người Mỹ vĩ đại” đã ngã xuống vì hòa bình Việt Nam: Martin Luther King. Nhóm phản chiến dân sự cho chính quyền miền Nam không hợp pháp về chính trị²³, yểm trợ cho Nam Việt Nam là thiếu đạo đức, vô nhân đạo, rằng nước “*Mỹ đang có sự chia rẽ ý kiến rất sâu sắc*” [Williams, 1975, p. 272]. Nhiều nhân vật cao cấp Nhà Trắng và Lầu Năm Góc, về sau viết hồi ký, thú nhận sự sai lầm Nhà Trắng và rối loạn xã hội Mỹ vì sự can thiệp Việt Nam. Theo Robert S. McNamara: “*Chúng tôi đã sai lầm, sai lầm khủng khiếp*” [McNamara, 1995, p. 280], Tổng thống Johnson thừa nhận: “*Lo ngại lớn nhất của tôi ... chính là sự chia rẽ bi quan tại Mỹ...*” [Nguyễn Đức Phương, 2001, tr. 34].

Hai là, cần thực thi bình đẳng trên mọi lãnh vực đời sống chính trị - xã hội. Điều 1 bản Tuyên ngôn Quốc tế nhân quyền viết: “*Mọi người sinh ra đều được tự do và bình đẳng về phẩm giá cũng như quyền lợi. Họ có lý trí và ý thức và phải đối xử với nhau như anh em*” [Tuyên ngôn Quốc tế nhân quyền, 1965, tr. 10]. Cần hiểu rằng bình đẳng không phải tất cả mọi người đều có vị trí giống nhau và được thụ hưởng như nhau trong xã hội mà điều chủ yếu là thay đổi thái độ đối với những người đang nắm quyền lực chính trị và thế lực kinh tế. Đối với nhân dân sẽ mất hết ý nghĩa của bình đẳng khi những người có quyền lực chính trị và thế lực kinh tế mong muốn áp đặt hoặc đang thực hiện những âm mưu nhằm trói buộc họ vào những quyền lợi ích kỷ thông qua một hay nhiều mục tiêu nào đó đi ngược lại lợi ích dân tộc và cộng đồng quốc tế.

Suốt thời gian vận động hòa bình Việt Nam, nhiều lần Phật giáo

Vùng I Chiến thuật sau ngày Cách mạng 1-11-1963, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu: TNTP-4129].

23. Ngay sau cuộc bầu cử Tổng thống 3-9-1967, tối đại đa số nhân dân miền Nam đều không thừa nhận chính quyền do Nguyễn Văn Thiệu làm tổng thống: “*Cuộc bầu cử ngày 3-9-1967 vừa qua thực chất của nó là một cuộc bầu cử gian lận có kế hoạch... và dư luận nhân dân trong nước đều quá rõ ràng thành quả đạt được của Liên danh chính quyền là thành quả của một hệ thống gian lận có kế hoạch và có chỉ thị*” [Hiệu triệu của Ban Chỉ đạo chung Mặt trận dân chủ và Phong trào đấu tranh dân chủ ngày 21-9-1967].

Việt Nam đòi Mỹ, cường quốc số một về kinh tế và quân sự, từ bỏ ủng hộ chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, để nhân dân Việt Nam tự quyết định lấy vận mệnh của mình, như trong bản Tuyên cáo trình bày trước Quốc hội Mỹ (2-6-1966), Thích Nhất Hạnh đưa ra 5 giải pháp, trong đó giải pháp thứ 4 đòi “*Hoa Kỳ tuyên bố rõ rệt ý muốn tôn trọng ý chí của người Việt thành lập một chính quyền đáp ứng nguyện vọng của dân chúng Việt Nam, và thực hiện những hành động cụ thể để chứng minh lời tuyên bố đó như từ chối không ủng hộ nhóm này để đàn áp nhóm khác*” [1-1-1971, ‘*Sáu năm vận động hòa bình cho Việt Nam*’, *Tạp chí Trình Bày*, số 11, tr. 20]; hoặc trong thư gửi Chính phủ Mỹ trước lúc tự thiêu (16-5-1967), Nhất Chi Mai yêu cầu 4 điểm, trong đó điểm 2, Hoa Kỳ phải “*từ từ rút binh, giao cho người Việt Nam định đoạt số phận của họ*” [Thích Thiện Hoa, 1970, tr. 194]; hoặc “*Giải pháp 6 điểm về hòa bình của Phật giáo Ấn Quang*” do Thượng tọa Thích Thiện Minh, Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Phật giáo Ấn Quang, công bố tại Đại hội Phật giáo thế giới tổ chức tại Kyoto (Nhật Bản) ngày 20-10-1970, trong đó yêu cầu: “*Chánh phủ Hoa Kỳ phải chấm dứt tình trạng thổi nạt, độc tài và bắt lực hiện tại ở miền Nam Việt Nam bằng cách phải để cho người Việt tự do lựa chọn một chánh quyền có thể đại diện cho đa số quần chúng, có bản chất hòa giải dân tộc, không liên kết ... (Điều thứ 4) [Giải pháp sáu điểm để chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại Việt Nam],...*”

Cần nhấn mạnh rằng quan điểm Phật giáo Việt Nam về một xã hội bền vững, quyết không là “*những cường quốc hùng mạnh về binh bị, mà là những quốc gia ham chuộng hòa bình, biết sống trong tinh thần tri túc và thương yêu, biết sống hướng thượng. Chúng ta tin rằng từ bi sẽ chiến thắng cường bạo và hòa bình sẽ ở lại với loài người, nếu chúng ta thật tình mong muốn*” [Bài giảng Kỷ niệm ngày Thành Đạo, Nguyệt san Liên Hoa, số 12, ngày 6-1-1966, tr. 22], bởi triết lý căn bản của Phật giáo là “*ở thế gian này, chẳng phải hận thù trừ được hận thù, chỉ có tình thương (từ bi) mới trừ được hận thù. Đó là định luật của ngàn đời*” [Thích Tịnh Khiết, 1970, ‘*Tình thương thể hiện*’, *Tạp chí Đối diện*, số 12, tr. 3].

Ba là, điều có tính bắt buộc là các quốc gia, các dân tộc phải tôn trọng luật pháp quốc tế, có như vậy một xã hội bền vững mới thực hiện được. Hiện nay, xung đột giữa các quốc gia, các dân tộc hoặc đang diễn ra hoặc đang tiềm ẩn. Nguy cơ lớn nhất là các quốc gia,

các vùng lãnh thổ hiện đang tranh giành chủ quyền ở biển Đông. Chưa có tiền lệ về sự xung đột “ngấm ngấm” liên quan đến nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ đến thế²⁴. Có cả nước lớn và nước nhỏ, có cả quốc gia có thể chế chính trị khác nhau, thậm chí có cả nước là đồng minh chiến lược của nhau,... Nguy cơ này đe dọa hòa bình khu vực và thế giới, có khả năng dẫn tới Chiến tranh thế giới thứ ba. Song nguy cơ này có thể đẩy lùi khi thái độ của những người lãnh đạo các nước nhận thức được một nền hòa bình lâu dài và chân chính chỉ thấy trong sự tôn trọng quyền lợi của các dân tộc, tôn trọng luật pháp quốc tế, tối thiểu thi hành đúng đắn Công ước của Liên Hợp Quốc về Luật biển, ký kết ngày 10-12-1982. Bởi đối với Phật giáo, “*dù không phải là điều kiện duy nhất, nhưng hòa bình là điều kiện tiên quyết*” [Thích Trí Thủ, 1973, ‘Duyên khởi’, *Đặc san Đuốc thiêng Hòa bình Đại Giới đàn Phước Huệ, Nha Trang, tr.3-4*] để cho một xã hội bền vững.

24. Việt Nam, Philippines, Malaysia, Brunei, Trung Quốc và Đài Loan; có cả Mỹ.

Tài liệu tham khảo

Bài giảng Kỷ niệm ngày Thành Đạo, *Nguyệt san Liên Hoa*, số 12, ngày 6-1-1966. Báo Chánh Đạo, ngày 5-11-1969.

Báo Chánh Đạo, ngày 7-11-1969.

Báo Chánh Đạo, ngày 26-8-1970.

Công văn số 002767/TCSQG/S1/D/K ngày 16-1-1969 của Đại tá Trần Văn Hai, Tổng Giám đốc Cảnh sát Quốc gia kính gửi Đại tướng, Tổng trưởng Nội vụ Sài Gòn, Trích yếu V/v Phật giáo Ấn Quang tổ chức lễ cầu nguyện hòa bình và làm lễ truy điệu nữ Phật tử Nhất Chi Mai, Trung Tâm Lưu trữ Quốc gia II, Tp. Hồ Chí Minh, Ký hiệu tài liệu: 4209.

Việt Cường, Quá trình hoạt động và đóng góp của Sinh viên Phật tử Sài Gòn, *Tin Tưởng*, số ra mắt Ban Chấp hành Ban Chấp hành Đoàn Sinh Viên Phật tử Sài Gòn, niên khóa 1971 - 1972 (không ghi số trang).

Giải pháp 6 điểm để chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình tại Việt Nam do Thượng tọa Thích Thiện Minh công bố tại Đại hội Phật giáo thế giới tổ chức tại Kyoto (Nhật Bản) ngày 20-10-1970, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu: ĐIICH - 4316.

Trần Văn Giàu 1978, *Miền Nam giữ vững thành đồng*, Tập V, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Hoàng Xuân Hào 1972, *Phật giáo và chính trị tại Việt Nam ngày nay* (Luận án tiến sĩ Luật khoa - Ban Công pháp), Quyển I & Quyển II, Trường Đại học Luật khoa Sài Gòn.

Hiệu triệu của Ban Chỉ đạo chung Mặt trận dân chủ và Phong trào đấu tranh dân chủ ngày 21-9-1967, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu: PTTg-5428).

Thích Thiện Hoa 1970, *50 năm chấn hưng Phật giáo Việt Nam*, tập I, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất xuất bản, Sài Gòn.

Johnson, LB 1972, *Ma vie de président 1963 - 1969* Buchet/Chastel Publisher, Paris.

Thích-Tịnh-Khiết 1970, Tình thương thể hiện, *Tạp chí Đối Diện*, số 12.

Kỷ yếu Hội thảo Khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định - Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh 2002, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

McNamara, RS 1995, *In Retrospect - The Tragedy and Lessons of Vietnam*, Times Books Publisher, New York.

Thích Đức Nghiệp 1991, 'Hồ Chủ tịch, một biểu trưng nhân bản Việt Nam', *Nghiên cứu Phật học*, số 1, Phân viện nghiên cứu Phật học, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hà Nội.

Nhiều tác giả 2015, *Lịch sử phong trào đô thị Huế 1954 - 1975*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.

Phiếu trình Thủ tướng (Sài Gòn) của Đồng lý Văn phòng ngày 25-5-1965, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu PTTg-15297.

Phiếu trình Tổng thống Việt Nam Cộng hòa ngày 7-11-1970 của Phụ tá đặc biệt về ngoại vụ, Phủ Tổng thống, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia, Ký hiệu tài liệu: ĐỀIICH-4316.

Nguyễn Đức Phương 2001, *Chiến Tranh Việt Nam Toàn Tập (1963-1975)*, Làng Văn.

Prados, J 2009, *Vietnam - The History of an Unwinnable 1945 - 1975*, University Press of Kansas.

'Sáu năm vận động hòa bình cho Việt Nam', ngày 1-1-1971, *Tạp chí Trình Bày*, số 11, Sài Gòn.

Pháp Siêu 1967, *Việt Nam đi về đâu?*, Tác giả xuất bản, Sài Gòn.

Sứ mạng chính trị của Phật giáo Ấn Quang (bản viết tay) của nhóm Nghiên cứu, trắc nghiệm thuộc Văn phòng Phụ tá Chính trị, Văn hóa Phủ Tổng thống, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, Ký hiệu tài liệu ĐỀ IICH-4316.

Trương-Hoài-Tâm 1967, *Hiệp định Genève 1954 và cuộc tranh chấp tại Việt Nam*, Nxb. Hữu Nghị, Sài Gòn.

Hà-Văn-Tấn 1991, *Phật giáo với cách mạng*, Nghiên cứu Phật học, số 1, Phân viện nghiên cứu Phật học, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hà Nội.

- Thành-Đoàn-Huế 1987, *Những sự kiện lịch sử trong phong trào đấu tranh đô thị của Thanh niên sinh viên học sinh Huế (1954-1975)*, Huế.
- Trần-Thị-Đông-Thị 2017, 'Cuộc vận động vì mục tiêu hòa bình Việt Nam nhìn từ ngọn lửa Nhất Chi Mai (16-5-1967)', *Tạp chí Huế Xưa & Nay*, số 141.
- Thư của Đại đức Thích Viên Đạo gửi Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức trong Đại Giới đàn Phước Huệ 1973, Đặc san Đuốc Thiêng Hòa Bình, Phật học viện Hải Đức, Nha Trang.
- Thích-Trí-Thủ 1973, *Duyên khởi, Đặc san Đuốc thiêng Hòa bình*, Phật học viện Hải Đức, Nha Trang.
- Zaroulis, N & Sullivan, G 1984, *Who Spoke up*, Doubleday & Company Publisher, New York.
- Williams, WA, McCormick, T and Gardner, L 1975, *America in Vietnam*, W. W. Norton, New York.

